



ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 13/2026/UBTVQH16

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát
của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về phối hợp giám sát việc thực hiện
điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được
sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
số 121/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ
sung một số điều theo Luật số 137/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các
Ủy ban của Quốc hội;*

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành điểm h khoản 1 Điều 20 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong việc tổ chức phối hợp giám sát với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

2. Hoạt động phối hợp giám sát việc thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại Nghị quyết này áp dụng đối với thỏa thuận quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam bao gồm Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với bên ký kết nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động giám sát quy định tại Điều 3 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội và quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc; phù hợp với đường lối đối ngoại, bảo đảm thống nhất trong quản lý hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và điều kiện thực tế của các bên tham gia.

4. Không làm phát sinh trách nhiệm pháp lý của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế, không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết tranh chấp liên quan đến điều ước quốc tế (nếu có).

5. Các hoạt động phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và lãnh thổ nước có cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế là hoạt động đối ngoại của Quốc hội Việt Nam trên cơ sở thống nhất giữa các cơ quan phối hợp giám sát và tuân thủ pháp luật của mỗi bên.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC PHỐI HỢP GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 3. Nội dung phối hợp giám sát

1. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản để thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của phía Việt Nam và quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

2. Việc tổ chức thực hiện các cam kết trong điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết. Trong đó, phải đánh giá chất lượng, hiệu quả của việc ký kết, thực hiện điều

ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện các cam kết cần được đối chiếu, đo lường bằng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành tương ứng (nếu có) hoặc các tiêu chí, chỉ số đánh giá khác phù hợp.

3. Các nội dung phối hợp giám sát khác mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật của mỗi bên.

Điều 4. Hình thức phối hợp giám sát

1. Tổ chức đoàn phối hợp giám sát chung việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (sau đây gọi là đoàn giám sát chung).

2. Tổ chức cuộc họp phối hợp giám sát chung để xem xét báo cáo việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (sau đây gọi là cuộc họp giám sát chung).

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHỐI HỢP GIÁM SÁT

VIỆC THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 5. Thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về đề xuất phối hợp giám sát

1. Chậm nhất ngày 15 tháng 6 hằng năm, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội đề xuất phối hợp giám sát của năm tiếp theo với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

Văn bản đề xuất phối hợp giám sát gồm nội dung phối hợp giám sát kèm theo dự kiến đề cương báo cáo giám sát, hình thức, phạm vi, đối tượng phối hợp giám sát của phía Việt Nam.

2. Chậm nhất ngày 30 tháng 6 hằng năm, trên cơ sở thống nhất với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại tổng hợp các đề xuất phối hợp giám sát, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến bằng văn bản về chủ trương cho phép trao đổi, thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kết luận về chủ trương cho phép trao đổi, thống nhất đề xuất phối hợp giám sát với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

4. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kết luận, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì trao đổi, thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc

tế, thỏa thuận quốc tế về nội dung phối hợp giám sát kèm theo dự kiến đề cương báo cáo giám sát, hình thức, phạm vi, đối tượng phối hợp giám sát, thời gian, địa điểm, thành phần tham gia, kinh phí và điều kiện bảo đảm khác cho phối hợp giám sát.

Việc trao đổi, thống nhất được thực hiện thông qua trao đổi công hàm, công điện, thư điện tử, cuộc họp trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức trao đổi phù hợp khác trên cơ sở thống nhất giữa các bên, bảo đảm phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý đề xuất phối hợp giám sát và gửi xin ý kiến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội có liên quan.

6. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội gửi văn bản trả lời, tham gia ý kiến về đề xuất phối hợp giám sát và gửi lại Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại để tiếp tục trao đổi, thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

Điều 6. Phê duyệt hoạt động phối hợp giám sát hằng năm

1. Trên cơ sở thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội tổng hợp các đề xuất phối hợp giám sát đưa vào Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế năm tiếp theo.

Tổng hợp đề xuất phối hợp giám sát gồm: các cơ quan phối hợp giám sát, nội dung phối hợp giám sát kèm theo dự kiến đề cương báo cáo giám sát, hình thức, phạm vi, đối tượng phối hợp giám sát, thời gian, địa điểm, thành phần tham gia, kinh phí và điều kiện bảo đảm khác cho phối hợp giám sát.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, phê duyệt Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế năm tiếp theo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai các hoạt động phối hợp giám sát, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội là cơ quan phối hợp, chịu trách nhiệm về nội dung giám sát theo lĩnh vực phụ trách.

3. Đối với các hoạt động phối hợp giám sát phát sinh, chưa được phê duyệt trong Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc có điều chỉnh về cơ quan phối hợp giám sát, nội dung, hình thức, phạm vi, đối tượng phối hợp giám sát, địa điểm, thời gian,

thành phần tham gia, kinh phí, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực liên quan đến nội dung phối hợp giám sát, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại trước khi trình Chủ tịch Quốc hội phê duyệt chủ trương tổ chức hoạt động phối hợp giám sát.

Điều 7. Phê duyệt kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm được phê duyệt, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội trao đổi và thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về dự kiến kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát.

2. Nội dung dự kiến kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát gồm:

- a) Mục đích, yêu cầu phối hợp giám sát;
- b) Nội dung, phạm vi, đối tượng, hình thức phối hợp giám sát;
- c) Các hoạt động để thu thập thông tin phục vụ hoạt động phối hợp giám sát gồm: tổ chức đoàn khảo sát chung; trao đổi tài liệu, kết quả giám sát có liên quan đến việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế;
- d) Cơ quan phối hợp giám sát;
- đ) Thời gian, địa điểm, chương trình phối hợp giám sát;
- e) Thành phần tham gia phối hợp giám sát;
- g) Dự kiến hình thức văn bản ghi nhận kết quả phối hợp giám sát;
- h) Dự kiến kinh phí và điều kiện bảo đảm;
- i) Tổ chức thực hiện.

3. Trên cơ sở thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phản hồi của cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội hoàn thiện dự thảo kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát và trình Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đối với kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát mà cấp trưởng đoàn, cấp chủ trì phía Việt Nam là Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của

Quốc hội, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực liên quan đến nội dung phối hợp giám sát, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại trước khi trình Chủ tịch Quốc hội phê duyệt.

Đối với kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát mà cấp trưởng đoàn, cấp chủ trì phía Việt Nam là Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực liên quan đến nội dung phối hợp giám sát trước khi trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại phê duyệt.

5. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát được phê duyệt, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại ban hành kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát gửi Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời, gửi công hàm, công điện thông báo cho Cơ quan đại diện của nước có hoạt động phối hợp giám sát tại Việt Nam và Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước có hoạt động phối hợp giám sát về kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát đã được phê duyệt.

Điều 8. Trình tự, thủ tục triển khai đoàn giám sát chung

1. Đối với đoàn vào để tổ chức đoàn giám sát chung:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát được ban hành, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết thành lập đoàn giám sát chung.

Nghị quyết thành lập đoàn giám sát chung phải xác định rõ mục đích, phạm vi, đối tượng, nội dung, thành phần đoàn giám sát chung, cơ quan, tổ chức cá nhân chịu sự giám sát phía Việt Nam;

b) Thành phần đoàn giám sát chung:

Thành phần phía Việt Nam gồm Trưởng đoàn được quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị quyết này, đại diện Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các thành viên khác của đoàn theo kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát.

Thành phần phía nước ngoài do cơ quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế cung cấp;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kế hoạch hoạt động phối hợp giám sát được ban hành, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại gửi đề cương báo cáo giám sát đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phía Việt Nam.

Thời gian để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát xây dựng và gửi báo cáo do đoàn giám sát chung quyết định nhưng không ít hơn 20 ngày kể từ ngày gửi đề cương báo cáo.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc,

Ủy ban khác của Quốc hội tổng hợp báo cáo, chuẩn bị tài liệu, nội dung làm việc phục vụ đoàn giám sát chung;

d) Chậm nhất 30 ngày trước ngày dự kiến triển khai hoạt động phối hợp giám sát, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế xây dựng chương trình chi tiết và tổ chức triển khai hoạt động phối hợp giám sát chung theo kế hoạch đã thống nhất;

đ) Chậm nhất 30 ngày trước ngày dự kiến triển khai hoạt động phối hợp giám sát, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội dự thảo nội dung dự kiến đưa vào văn bản ghi nhận kết quả phối hợp giám sát và kiến nghị, khuyến nghị chung (nếu có) để trao đổi và thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Việc trao đổi, thống nhất thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 5 của Nghị quyết này.

Các bên thông qua văn bản ghi nhận kết quả phối hợp giám sát và kiến nghị, khuyến nghị chung (nếu có) tại buổi làm việc cuối cùng.

2. Đối với đoàn ra để tổ chức đoàn giám sát chung:

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức đoàn ra, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại gửi văn bản đề nghị Ủy ban Công tác đại biểu trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết thành lập đoàn và gửi văn bản đến Văn phòng Quốc hội, các cơ quan có liên quan đề nghị làm các thủ tục cần thiết cho đoàn (hộ chiếu, thị thực, thanh quyết toán, văn bản thông báo đoàn ra...);

b) Thành phần đoàn giám sát chung, trình tự, thủ tục triển khai đoàn giám sát chung thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục triển khai cuộc họp giám sát chung

1. Đối với cuộc họp giám sát chung theo hình thức trực tiếp được tổ chức ở nước ngoài:

a) Việc tổ chức cuộc họp giám sát chung, thành lập đoàn ra, gửi đề cương báo cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phía Việt Nam, tổng hợp báo cáo, chuẩn bị tài liệu, nội dung làm việc, xây dựng văn bản ghi nhận kết quả phối hợp giám sát và kiến nghị, khuyến nghị chung (nếu có) được thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, đ khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết này;

b) Chậm nhất 30 ngày trước ngày dự kiến tổ chức cuộc họp giám sát chung, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế xây dựng chương trình, kịch bản chi tiết cuộc họp và tổ chức thực hiện theo kế hoạch đã thống nhất;

c) Trình tự tổ chức cuộc họp giám sát chung trên cơ sở thống nhất với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được thực hiện như sau: đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trình bày báo cáo; thành viên tham dự cuộc họp giám sát chung thảo luận; đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến (nếu có); đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo giải trình về những vấn đề có liên quan; các bên thông qua văn bản ghi nhận kết quả phối hợp giám sát và kiến nghị, khuyến nghị chung (nếu có).

2. Đối với cuộc họp giám sát chung theo hình thức trực tiếp và trực tuyến được tổ chức ở trong nước, việc gửi đề cương báo cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phía Việt Nam, tổng hợp báo cáo, chuẩn bị tài liệu, nội dung làm việc, xây dựng chương trình, kịch bản chi tiết cuộc họp, trình tự tổ chức cuộc họp giám sát chung, xây dựng văn bản ghi nhận kết quả phối hợp giám sát và kiến nghị, khuyến nghị chung (nếu có) được thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết này và điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 10. Báo cáo kết quả phối hợp giám sát và xem xét việc thực hiện kiến nghị sau phối hợp giám sát

1. Trên cơ sở văn bản ghi nhận kết quả phối hợp giám sát tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị quyết này, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội dự thảo báo cáo kết quả phối hợp giám sát trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động phối hợp giám sát.

Trường hợp cần thiết do nội dung phối hợp giám sát phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, nhiều địa bàn hoặc cần thêm thời gian để tổng hợp, kiểm chứng thông tin, hoàn thiện nội dung báo cáo, thời hạn báo cáo có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động phối hợp giám sát.

2. Nội dung báo cáo kết quả phối hợp giám sát gồm:

a) Bối cảnh, tình hình;

b) Thành phần tham gia và các hoạt động đã triển khai;

c) Kết quả giám sát theo nội dung quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

d) Ý kiến của các bên;

đ) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân;

e) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

3. Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại lấy ý kiến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội, cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện báo cáo

kết quả phối hợp giám sát gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Căn cứ nội dung phối hợp giám sát, khi xét thấy cần thiết, trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định xem xét, thảo luận báo cáo kết quả phối hợp giám sát theo quy định tại Điều 46 của Nghị quyết số 113/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Quốc hội.

5. Cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm thực hiện kiến nghị tại báo cáo kết quả phối hợp giám sát. Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội thường xuyên theo dõi, đôn đốc, xem xét việc thực hiện kiến nghị theo quy định tại Điều 40 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì tổng hợp kết quả công tác phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hằng năm trong Báo cáo hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Quốc hội.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động phối hợp giám sát

Kinh phí cho hoạt động phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Quốc hội theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan.

Điều 12. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động phối hợp giám sát

1. Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội và các cơ quan có liên quan ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế phục vụ hoạt động phối hợp giám sát.

2. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động phối hợp giám sát tại Nghị quyết này phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật thông tin đối ngoại, bảo đảm an toàn thông tin mạng và phù hợp với yêu cầu giữa các cơ quan phối hợp giám sát.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội xây dựng, ban hành các mẫu văn bản phục vụ hoạt động phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

3. Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động phối hợp giám sát theo quy định của pháp luật; xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản quy định về công tác bảo đảm cho hoạt động phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với cơ quan có liên quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Phiên họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn